TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **831**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 756/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc "Xin ly hôn" giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1955

Căn cước công dân số 033155002119

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường L, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số nhà B, ngõ I phố T, tổ B, phường L, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1952

Căn cước công dân số 033052000092

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường L, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số nhà B, ngõ I phố T, tổ B, phường L, Thành phố Hà Nội.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận

đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phạm Thị T và ông Lê Văn T1

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Lê Văn T1 cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Phạm Thị T và ông Lê Văn T1 xác nhận có hai con chung là Lê H, sinh ngày 21/6/1979 và Lê Hoàng A, sinh ngày 12/6/1983. Khi ly hôn, hai con chung đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự nên ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Toà án không xem xét.

2.3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Bà Phạm Thị T và ông Lê Văn T1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Bà Phạm Thị T và ông Lê Văn T1 xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2.5. Về án phí: Bà Phạm Thị T và ông Lê Văn T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho bà Phạm Thị T 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0013642 ngày 08/6/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị L